

SẮC THÁI DÂN GIAN TRONG NGÔN NGỮ THƠ NGUYỄN BÌNH

○ LÊ MINH NGUYỆT*

1. Với những cách tân, sáng tạo nghệ thuật trên cơ sở kế thừa tinh hoa thơ truyền thống, Thơ mới đã thực sự có những đóng góp tích cực cho tiến trình hiện đại hoá nền thơ ca dân tộc. Thơ mới hội tụ nhiều khuynh hướng đặc sắc và ở khuynh hướng nào cũng có những đại diện xuất sắc. Bình dị và khiêm nhường, «*chân quê*» mà sắc sảo tài hoa, nồng hậu e ấp mà thắm sâu da diết một khát vọng sống, Nguyễn Bình hiện diện là một đỉnh cao riêng biệt, «*không ai thay thế được*» của phong trào Thơ mới. Khi nhiều cây bút đương thời say sưa trong làn gió Âu hóa, học theo lối diễn đạt tân kỳ, xa lạ của văn Tây thì Nguyễn Bình lại tìm về tục ngữ, ca dao, dân ca và lời ăn tiếng nói của dân quê. Độc giả thời ấy và ngày nay yêu và thuộc nhiều thơ Nguyễn Bình có lẽ bởi «*trong mỗi người Việt có một người nhà quê*» và không ai có thể viết hay về cảnh quê, tình quê và hồn quê như Nguyễn Bình.

Chương trình Ngữ văn THPT ban cơ bản chỉ dành một tiết đọc thêm tìm hiểu về phong cách thơ Nguyễn Bình (bài thơ «*Tương tư*»). Thời lượng hạn chế đã khiến giáo viên (GV) trần trở với việc làm thế nào để đạt được mục đích giúp học sinh (HS) thấy được truyền thống thơ ca dân gian trong sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Bình. Với việc khám phá sắc thái dân gian trong ngôn ngữ thơ Nguyễn Bình, hi vọng bài viết này sẽ là một đóng góp nhỏ trong việc tìm hiểu phong cách thơ Nguyễn Bình.

2. Ngôn từ nghệ thuật là «*lời nói, viết*» được dùng với «*tất cả phẩm chất thắm mĩ và khả năng nghệ thuật của nó*» (1; tr. 273), là chất liệu để sáng tác văn học. Nhà văn trong quá trình lao động nghệ thuật của mình đã tiếp thu nguồn ngôn ngữ nhân dân, chọn lọc, rèn giũa để đưa vào văn bản ngôn từ của mình. Ngôn từ nghệ thuật là một trong những yếu tố quan trọng, thể hiện cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn. Tài hoa của Nguyễn Bình thể hiện rõ ở việc sử dụng ngôn ngữ thơ.

Đến với thế giới ngôn từ thơ Nguyễn Bình là đến với nguồn mạch ngôn ngữ trong sáng, giản dị, giàu màu sắc dân gian, dân tộc. Nhà phê bình

Hoài Thanh đã khẳng định: «*Giá Nguyễn Bình sinh ra thời trước, tôi chắc người đã làm những câu ca dao mà dân quê vẫn hát quanh năm*» (2; tr. 153). Vườn thơ Nguyễn Bình dày đặc ngôn ngữ đồng quê, dân dã như ca dao, thành ngữ, tục ngữ. Thi sĩ đã sử dụng một cách đặc dụng, đặc sắc ngôn ngữ của làng Thiện Vịnh - Vụ Bản cùng với cách nói ví von mộc mạc mà không kém phần tha thiết của ca dao để diễn tả tình cảm yêu đương nồng nàn, da diết của những người đang yêu: «*Ví chăng nhớ có như tơ nhĩ/Em thử quay xem được mấy vòng/Ví chăng nhớ có như vừng nhĩ/Em thử lao xem được mấy thung*» («*Nhớ*»).

Nguyễn Bình sử dụng rất hiệu quả từ ngữ và lối biểu đạt của người quê, tạo cho thơ ông một nét duyên riêng: *tâm tâm* («*Tâm tâm trời cú đổ mưa*»), *eo óc* («*Thôn gà eo óc ngoài xa vắng*»), *năm tao bầy tuyết* («*Năm tao bầy tuyết anh hò hẹn*»), *một thôi đề* («*Thôn Đoài cách một thôi đề*»), *cạn ngày* («*Mẹ bảo mùa xuân đã cạn ngày*»)... Ngôn ngữ tiếng Việt trong thơ Nguyễn Bình không chỉ đẹp bởi mộc mạc, dân dã mà còn bởi sinh động, trữ tình, đủ khả năng diễn tả mọi trạng thái cảm xúc phong phú.

Có lẽ Nguyễn Bình là người đem nhiều nhất những hình ảnh của cuộc sống đời thường vào thơ hiện đại. «*Dậu mừng toi*», «*Hoa cam*», «*Hoa bưởi*», «*Vườn rau*», «*Vườn chè*»... trở đi trở lại trong thơ ông một cách duyên dáng và đậm vẻ trữ tình của ca dao, diễn tả muôn mặt của tâm trạng con người: «*Lợn không nuôi đặc ao bèo/Giấu không dây chẳng thềm leo vào giàn/Giếng thoi mưa ngập nước tràn/Ba gian đầy cả ba gian nắng chiếu*» («*Qua nhà*»).

Kho thành ngữ, tục ngữ của nhân dân dường như đã được Nguyễn Bình thẩm thấu và trở thành vốn liếng của riêng ông, để khi vận vào lời nhân vật trữ tình chúng tự nhiên như là hơi thở. Trong câu thơ «*Tình tôi mở giữa mùa thu/Tình em lắng lặng kín như buồng tầm*», thành ngữ «*kín như buồng tầm*» đã trở thành biểu tượng về sự khó

* Trưởng THPT Phú Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

hiếu, thiếu cởi mở của lòng người con gái, lại vừa là sự trách cứ đến độ giận hờn, xa xót của chàng trai trong cuộc tình đơn phương. Hay, với câu chuyện thơ dài như «*Lỡ bước sang ngang*», những thành ngữ được dùng đã tạo ra sự mượt mà và âm điệu dân gian ngọt ngào. Vốn thành ngữ, tục ngữ của Nguyễn Bính đã thể hiện sự am hiểu sâu sắc văn hóa làng quê và là điểm tựa vững chắc cho sáng tạo ngôn từ nghệ thuật trong thơ ông. Một trong những sự sáng tạo ấy là tạo ra những nhóm từ mới gắn gũi với thành ngữ dân gian như: *dầu hao bắc gậy, nhạt thấm phai đào, trăm cay nghìn đắng, má đỏ môi hồng*... Nguyễn Bính cũng sử dụng các từ ngữ của thành ngữ và ca dao như một từ độc lập: *thôn Đoài, thôn Đông, đỏ đèn, miếng giầu, bến thuyền, vườn dâu, ngang sông, ngang ngõ*...

Cũng như ngôn ngữ dân gian, ngôn ngữ tràn đầy màu sắc là một đặc điểm dễ nhận thấy của thơ Nguyễn Bính. Nhờ đó thơ ông luôn gợi ra được những liên tưởng và cảm nhận trực tiếp, để lại ấn tượng lâu bền. Chẳng hạn, để khắc họa bức tranh quê hương tươi đẹp, nhà thơ sử dụng những tính từ chỉ màu sắc tươi sáng: «*Có chiếc thuyền nằm trên cát mịn/Có đàn trâu trắng lội ngang sông/Có cô thợ ruộm về ăn tết/Sương gió đường xa r ám má hồng*» («*Không đề*»).

Nếu Hàn Mặc Tử nói đến hương vị trong đời thì Nguyễn Bính luôn nhắc đến màu sắc trong cuộc sống. Với Nguyễn Bính, đã nói đến *mộng* là *mộng vàng, má là má đỏ, môi là môi hồng, mắt là mắt biếc*, nên có những câu thơ hàm ẩn bao cảm nghĩ chưa chát về thể thái nhân tình, nhưng ý tứ ấy được hiển hiện bằng từ ngữ chỉ màu sắc: «*Người yêu má đỏ môi hồng/Tóc xanh mắt biếc mà lòng bạc đen*» («*Lại đi*»).

Cảnh thơ của Nguyễn Bính thực hay ảo, vui hay buồn cũng tràn đầy màu sắc. Thiên nhiên đã nhuộm màu thơ ông, khi thì rực rỡ: «*Có một mùa hè hoa phượng thắm/Nở đầy trong lá phượng xanh tươi/Trái dài thắm đỏ con đường trắng/Nàng thấy đi trên một thảm người*» («*Mười hai bến nước*»), khi thì chỉ một màu xanh: «*Xanh cây xanh cỏ xanh đồi/Xanh rừng xanh núi da trời cũng xanh*...» («*Vài nét rừng*»).

Nguyễn Bính còn làm tăng sắc thái biểu hiện của ngôn ngữ thơ bằng việc sử dụng thành thạo các biện pháp tu từ mà thơ ca dân gian hay dùng. Ông đã tạo ra nhiều liên tưởng vô cùng sinh động với trí tưởng tượng, sức sáng tạo và sự am hiểu văn hoá ngôn ngữ dân gian của mình. *Hoa - bướm, trâu - cau, bến - đò* là những ẩn dụ về

tình yêu; nói về thân phận người con gái đi lấy chồng mà không có hạnh phúc, tác giả gọi là *lỡ bước sang ngang*; nói đến thân phận tha hương, nhà thơ viết thân nhận, số long đong. Thiên nhiên được nhân cách hoá: «*Bướm lười*», «*Tơ gạo lắng lơ*», con thoi, khung cửi, sợi tơ... hoá thành người bạn tâm tình: «*Thoi ạ, làm sao thoi lại cứ,/Đi về, giăng mắc để trêu tôi?*» («*Nhớ*»).

Những đại từ phiếm chỉ như: *ai, người, ta, mình...* hoặc những cụm từ phiếm chỉ *người ấy, bên ấy, bên này...* thường thấy trong ca dao, dân ca cũng được sử dụng nhiều trong thơ Nguyễn Bính nhằm tăng tính khái quát cho thơ, đồng thời nâng cao khả năng tiếp nhận vì bất cứ ai cũng có thể đồng cảm sẻ chia và vận vào mình...

Khả năng sử dụng ngôn từ dân gian của Nguyễn Bính thể hiện ở rất nhiều mặt. Nguyễn Bính sử dụng số đếm theo cách cảm cách nghĩ của dân gian. Những con số thông thường *một, hai, ba, bốn...* tưởng chừng như chính xác, cụ thể, kì thực lại mang tính tượng trưng: «*Nhà em cách bốn quả đồi/Cách ba ngọn suối, cách đôi cánh rừng/Nhà em xa cách quá chừng,/Em van anh đấy, anh đừng yêu em!*» («*Xa cách*»). Cô gái bảo «*Xa cách*» nhưng lại hoá gần bởi cách đếm ngược đầy dụng ý. Các con số chỉ mang tính ước lệ cho khoảng cách không gian dần bị thu hẹp lại để dẫn tới lời tưởng chừng phủ định ở câu kết: «*Em van anh đấy, anh đừng yêu em*» phải hiểu theo nghĩa khẳng định.

Ngôn ngữ là phương tiện, là hình thức để biểu đạt văn hoá. Với nhà thơ, ngôn ngữ thơ làm nên phong cách. Ngôn ngữ thơ của Nguyễn Bính gắn bó mật thiết và hoà quyện với ngôn ngữ của ca dao, dân ca và đời sống dân gian. Nguyễn Bính đã sử dụng ngôn ngữ dân gian với tất cả phong vị và sự duyên dáng trữ tình vốn có của tiếng Việt: «*Toàn bộ thơ anh hợp thành một tổ khúc đồng nội không lẫn với ai, không lẫn vào đâu được*» (3; tr. 28). Sắc thái dân gian của ngôn ngữ thơ đã tạo nên vẻ đẹp «*chân quê*» của thơ Nguyễn Bính, giúp thơ ông dễ được bạn đọc lưu truyền, mến mộ. «*Như một dòng chảy trong vắt của đồng quê, nguồn thơ Nguyễn Bính sẽ đi xa và đến được nhiều miền đất lạ trong tương lai*» (4; tr. 70). □

(1) Trần Đình Sử - Phương Lưu. *Lí luận văn học*, tập 2. NXB Giáo Dục, H. 1987.

(2) Hoài Thanh - Hoài Chân. *Thi nhân Việt Nam*. NXB Văn học, H. 2000.

(3) Hoài Việt. *Nguyễn Bính thi sĩ của yêu thương*. NXB Hội Nhà văn, H. 1992

(4) Hà Minh Đức. *Nguyễn Bính - Thi sĩ của đồng quê*. NXB Giáo dục, H. 1995.